

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3411 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại đồi Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung của Công ty TNHH Long Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 07/04/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại đồi Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Long Sơn;

Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại đồi Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Long Sơn tại Thông báo số 7023/STNMT-BVMT ngày 20/8/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 38/CV-TP ngày 24/8/2021 của Công ty TNHH Long Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 790/Tr-STNMT ngày 30/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Long Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại đồi Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn
cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại đồi
Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH Long Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất lẫn cát có hàm lượng SiO₂ từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại đồi Man Đan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Long Sơn.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Long Sơn.

- Đại diện: Ông Trịnh Quang Hải - Chức vụ: Giám Đốc.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 6, đường Voi Phục, phường Trung Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: 0303.864.287

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất, tuổi thọ của dự án:

- Diện tích khu vực thực hiện dự án: 8,5 ha.

- Công suất: Dự án khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp với công suất 105.000 m³/năm.

- Tuổi thọ dự án: 10 năm.

2. Các tác động môi trường chính của dự án (giai đoạn khai thác)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh, rửa tay chân với lưu lượng 1,0m³/ngày.đêm (nước thải vệ sinh khoảng 0,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 0,7m³/ngày); thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước rửa lốp xe, thiết bị ra vào khu vực khai thác có lưu lượng 12,8m³/ngày; thành phần chủ yếu là bùn đất.

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 9.722 m³/ngày; thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải.

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Khai thác, bốc xúc đất, bụi cuốn theo lốp xe trong quá trình vận chuyển; thành phần chủ yếu bụi; CO; SO₂ và NO₂.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là nhựa, giấy, bìa các tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...phát sinh khoảng 10kg/ngày.

- Đất thải của quá trình khai thác chủ yếu là lớp đất phủ bề mặt với khối lượng $2.550\text{m}^3/\text{năm}$.

2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Dầu thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khoảng 28 lít/năm;

- Chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 10,0 kg/tháng.

2.6. Các tác động không liên quan đến chất thải

Tiếng ồn trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác như máy xúc, ô tô vận chuyển.

2.7. Tác động do rủi ro, sự cố môi trường

- Sự cố sạt lở moong khai thác; sự cố tai nạn lao động: Khi xảy ra các sự cố sẽ có khả năng ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân khai thác, hư hỏng máy móc, thiết bị, công trình tại mỏ,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (giai đoạn khai thác).

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ, thoát theo địa hình tự nhiên mỏ; nước mưa chảy tràn tại khu vực sản công nghiệp được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước hở dài 620m ($\text{rộng} \times \text{sâu} = 1,0\text{m} \times 0,8\text{m}$), được dẫn về ao lắng có thể tích 600m^3 ($\text{dài} \times \text{rộng} \times \text{sâu} = 20,0\text{m} \times 15,0\text{m} \times 2,0\text{m}$) chia làm 02 ngăn (01 ngăn lắng và 01 ngăn chứa);

- Nước thải từ nhà vệ sinh di động, hằng tuần Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý;

- Nước thải từ quá trình lớp xe trước khi đi ra ngoài mỏ, máy móc thiết bị được thu gom về hố lắng có thể tích $5,0\text{m}^3$, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực; nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu trong quá trình khai thác mỏ;

- Thường xuyên phun nước để hạn chế bụi bốc bay trong quá trình xúc, đổ đất và dọc tuyến đường vận chuyển. Tần suất phun nước trung bình là 02 lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước được tăng cường lên 4- 6 lần/ngày;

- Bố trí khu vực rửa lớp xe, thiết bị vận chuyển ra vào khu vực mỏ;

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực khai trường; thu gom đất cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển trên tuyến đường ngoài mỏ;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Các phương tiện vận tải và máy móc khai thác cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 02 thùng rác composite loại 60 lít/thùng tại khu vực nhà bảo vệ; thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đất thải từ quá trình khai thác: Một phần được lưu giữ tại bãi thải có diện tích 560 m² ($dài \times rộng = 35,0m \times 16,0m$), xây tường bao xung quanh cao 1,0m, để phục vụ cho hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường; một phần san gạt đường nội mỏ, khu vực khai thác.

- Chất thải từ quá trình phát quang: Bán cho các đơn vị thu mua nguyên liệu làm gỗ dăm, hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Định kỳ 03 tháng/lần, nạo vét bùn, đất tại hệ thống rãnh thoát nước, ao lắng và hố lắng với và vận chuyển về bãi thải của mỏ.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Trang bị 01 thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom dầu thải; 01 thùng phuy 200 lít để thu gom chất thải rắn nguy hại; các thùng này được dán nhãn theo quy định và đặt tại kho lưu giữ gần khu nhà bảo vệ. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn.

- Yêu cầu Chủ các phương tiện, thường xuyên kiểm tra thiết bị, đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp khai thác mỏ.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện.

- Đối với khu vực moong khai thác: San gạt moong khai thác; lấp đất biển cảnh báo nguy hiểm; trồng cây keo tai tượng Úc trên mái taluy và trên moong khai thác.

- Đối với khu vực xây dựng các công trình: Di dời máy móc, thiết bị; tháo dỡ các công trình phụ trợ; san lấp ao lắng; tháo dỡ hệ thống điện; tháo dỡ tường bao bãi thải.

- Đối với khu vực đường ngoại mỏ: Nạo vét mương thoát nước; cải tạo đường ngoại mỏ.

b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **549.583.000 đồng.**

- Số lần ký quỹ lần: 10 lần

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: **109.917.000 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu thực hiện trước khi xây dựng cơ bản mỏ;

+ 09 (chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **48.852.000 đồng**; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường.

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; bảng cảnh báo nguy hiểm; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác.

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác mỏ;

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ.

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH; COD, BOD₅; Chất rắn lơ lửng; Amoni theo N; Nitrat theo N, dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước tại ao lắng trước khi ra môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - + QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.